

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.05.09

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分			Total Point 總積分
				第一站	第二站	第三站	
				陽明山王	春季KOM	太平山王	
1	黃冠霖	前勁車隊	TWN	50		50	100
2	Christian Trenchev	TRIGON FACTORY RAC	CAN	28	50		78
3	黃暉程	前勁車隊	TWN	42		30	72
4	謝博崴	TEAM WAYPOINT	TWN	15	30	22	67
5	陳世宜	前勁車隊	TWN	33		33	66
6	Martin Papanov	TRIGON FACTORY RAC	BUL	30	33		63
7	黃文忠	EPIC Racing Team	TWN	15	24	24	63
8	張恩騰	前勁車隊	TWN	37		26	63
9	呂靖	FTL Cycling	TWN	20	15	20	55
10	李廷威	Ljubljana Gusto Santic	TWN		50		50
11	邱正昕	Bryton Racing Team	TWN			42	42
12	蔡承儒	FTL Cycling	TWN	15	15	10	40
13	Marco marchetti		ITA		37		37
14	曾奕維	EPIC Racing Team	TWN	15	22		37
15	盧紹軒	Bryton Racing Team	TWN			37	37
16	陳亮志	悠活單車	TWN	10	15	10	35
17	王鴻瑞	FTL Cycling	TWN	15		15	30
18	陳浩鈞	TEAM WAYPOINT	TWN	15		15	30
19	劉家良	悠活單車	TWN	15		15	30
20	張瀚允	歐北共	TWN		28		28
21	洪坤弘	Bryton Racing Team	TWN			28	28
22	林旻澤		TWN		26		26
23	楊鴻銘	FTL Cycling	TWN	26			26
24	譚皓璋	EPIC Racing Team	TWN	10	15		25
25	王昕		TWN		15	10	25
26	賴威宇	TEAM WAYPOINT	TWN	15		10	25
27	林成翰	TEAM WAYPOINT	TWN	10		15	25
28	劉致偉		TWN		10	15	25
29	劉喜德	悠活單車	TWN	10		15	25
30	葉軒佑	FTL Cycling	TWN	24			24
31	許書璋	悠活單車	TWN	10	3	10	23
32	周致磊	前勁車隊	TWN	22			22
33	Lee Trumpore		USA		20		20
34	黃尉嘉	悠活單車	TWN	10		10	20
35	胡嘉恩	Team Dream LAB	TWN	3	15		18
36	林冠宇	QOM	TWN		3	15	18
37	Jamie Paul [JP] Brocket	TRIGON FACTORY RAC	TWN	15			15
38	王紹佟	瑞士釘四季車隊	TWN		15		15
39	洪稟詠	新社鉸光	TWN		15		15

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.05.09

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分			Total Point 總積分
				第一站	第二站	第三站	
				陽明山王	春季KOM	太平山王	
40	張冠臻	TRIGON FACTORY RAC	TWN	15			15
41	陳貫丞		TWN		15		15
42	程永源	TEAM WAYPOINT	TWN	15			15
43	黃昱承	新社鋁光	TWN		15		15
44	潘彥文	Lohas cycling team	TWN		15		15
45	謝帛勳	前勁車隊	TWN			15	15
46	萬大中	Bryton Racing Team	TWN			15	15
47	江忠諺	TEAM WAYPOINT	TWN			15	15
48	陳建良	Bryton Racing Team	TWN			15	15
49	Seungmin Lee		KOR		10		10
50	江秉樺	GBike森車隊	TWN		10		10
51	江昱宏	QOM	TWN		10		10
52	宋易承	Team Dream LAB	TWN	10			10
53	張祐誠	TRIGON FACTORY RAC	TWN	10			10
54	曹宏彰	GBike森車隊	TWN		10		10
55	陳品宏	GBike森車隊	TWN		10		10
56	陳奎佑	Team Dream LAB	TWN	10			10
57	陳迪軒		HKG		10		10
58	靜聖鈞		TWN		10		10
59	羅士恩	瑞士釘四季車隊	TWN		10		10
60	陳俊男	FTL Cycling Team	TWN			10	10
61	陳琮文	太平山登山亡	TWN			10	10
62	翁瑞鴻	FTL Cycling Team	TWN			10	10
63	王弘宇	臺中市外埔國中	TWN	3	3		6
64	賴宜駿	臺中市外埔國中	TWN	3	3		6
65	周逸文	QOM	TWN		3	3	6
66	林濬澤		TWN		3	3	6
67	Aaron Krive		USA		3		3
68	Akiko Koike		JPN		3		3
69	Alan Chow	Kowloon East Riders	HKG		3		3
70	Chua Yam Kee	3J	SGP		3		3
71	David J Dominguese		USA		3		3
72	Dawid Rozwadowski	Kowloon East Riders	SWE		3		3
73	Guillaume Hebert	BBR TEAM	FRA		3		3
74	Ho Cheung Chung		CAN		3		3
75	Lee Yan Leong	3J	SGP		3		3
76	Leong Lionel Chun Ho		HKG		3		3
77	Leonie Yang		GER		3		3
78	Lim Hui Li Angie	3J	SGP		3		3

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.05.09

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分			Total Point 總積分
				第一站	第二站	第三站	
				陽明山王	春季KOM	太平山王	
79	Liu Chun Man	Kowloon East Riders	HKG		3		3
80	Liu Jia Ming	3J	MAS		3		3
81	Maxence	BBR TEAM	FRA		3		3
82	Michael Ross Rasmussen		DEN		3		3
83	Navik Numsiang	Intania Cycling	THA		3		3
84	NG CHU Ming		SGP		3		3
85	Peter Schnauber		GER		3		3
86	Seban		FRA		3		3
87	Seow King Lim	3J	MAS		3		3
88	shuhua xiang		USA		3		3
89	Sira Tindukasiri	Intania Cycling	THA		3		3
90	Teeradej Bhrompathama	Intania Cycling	THA		3		3
91	Teoh Wai Won	3J	SGP		3		3
92	Vudthikorn Udol	Intania Cycling	THA		3		3
93	Wai Heung Ho 何偉雄		USA		3		3
94	卜鴻章		TWN		3		3
95	王上瑜	腳踏車帕魯	TWN		3		3
96	王林	李宗鑫	TWN		3		3
97	王韋婕	哥倫布單車	TWN		3		3
98	王韋盛	玩家單車	TWN		3		3
99	王健宇		TWN		3		3
100	王脩然	跟著教練騎	TWN		3		3
101	王漢傑		TWN		3		3
102	王譯萱	Lohas cycling team	TWN		3		3
103	田政蔚	QOM	TWN		3		3
104	朱宸興	日南國中車隊	TWN	3			3
105	朱恩祈	新竹市ZIV伊諾華車隊-國	TWN	3			3
106	朱賢治		TWN		3		3
107	江孟益		TWN		3		3
108	何國維	裕進單車	TWN	3			3
109	吳玉鳳	東林扶輪社	TWN		3		3
110	吳沅翰	桃園市聯隊-國中	TWN	3			3
111	吳昱兌	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3			3
112	吳師道		TWN		3		3
113	吳維晨		TWN		3		3
114	宋介文		TWN		3		3
115	宋宥燐	桃園市聯隊-國中	TWN	3			3
116	宋國翔	Team Dream LAB	TWN	3			3
117	巫建廷	臺中市外埔國中	TWN	3			3

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.05.09

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分			Total Point 總積分
				第一站	第二站	第三站	
				陽明山王	春季KOM	太平山王	
118	李世斌	日南國中車隊	TWN	3			3
119	李汪捷		TWN		3		3
120	李佳珊	哥倫布單車	TWN		3		3
121	李宗鑫	李宗鑫	TWN		3		3
122	李家豪	楊志凱	TWN		3		3
123	李嘉宸	桃園市聯隊-國中	TWN	3			3
124	李鴻儒	腳踏車帕魯	TWN		3		3
125	周煜晟		TWN		3		3
126	林以特	裕進單車	TWN	3			3
127	林立強	Lohas cycling team	TWN		3		3
128	林志宇	裕進單車	TWN	3			3
129	林宜原	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3			3
130	林怡伶	早鳥演員訓練班-米咕嚕	TWN		3		3
131	林俊廷	Fun Ride Cycling Team	TWN		3		3
132	林建成	成峯破浪直奔高點KOM	TWN		3		3
133	林靖恒		TWN		3		3
134	花嘉鴻	東林扶輪社	TWN		3		3
135	邱忠賢	Lohas cycling team	TWN		3		3
136	侯克林		TWN		3		3
137	涂偉凱	鄧凱文	TWN		3		3
138	姜智洋	新竹市ZIV伊諾華車隊-國	TWN	3			3
139	施棟瀝	楊志凱	TWN		3		3
140	洪梓燁		HKG		3		3
141	孫銘俊	東林扶輪社	TWN		3		3
142	徐啟榮	東林扶輪社	TWN		3		3
143	秦培堯		TWN		3		3
144	翁顥璋	東京熱不熱	TWN		3		3
145	馬嘉莉	哥倫布單車	TWN		3		3
146	高偉翔	跟著教練騎	TWN		3		3
147	張明洲		TWN		3		3
148	張惟哲	腳踏車帕魯	TWN		3		3
149	張凱鈞	哥倫布單車	TWN		3		3
150	張維仁		TWN		3		3
151	張維可		TWN		3		3
152	張鑫	Fun Ride Cycling Team	TWN		3		3
153	曹榮松	Lohas cycling team	TWN		3		3
154	梁皓評	寶寶寶	TWN		3		3
155	梁毅偉		TWN		3		3
156	許自來		TWN		3		3

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.05.09

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分			Total Point 總積分
				第一站	第二站	第三站	
				陽明山王	春季KOM	太平山王	
157	許佳瑜		TWN		3		3
158	許明儒	GBike森車隊	TWN		3		3
159	許倍銜		TWN		3		3
160	許哲綸	臺中市外埔國中	TWN	3			3
161	郭儒靜		TWN		3		3
162	陳子宏	GBike森車隊	TWN		3		3
163	陳宏鈞	腳踏車帕魯	TWN		3		3
164	陳其鴻		TWN		3		3
165	陳東楷	腳踏車帕魯	TWN		3		3
166	陳泓達	新竹市ZIV伊諾華車隊-國	TWN	3			3
167	陳金生		TWN		3		3
168	陳冠文	QOM	TWN		3		3
169	陳冠羲	裕進單車	TWN	3			3
170	陳品齊	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3			3
171	陳炳安	新社鋁光	TWN		3		3
172	陳偉		TWN		3		3
173	彭煒喆	HSB	TWN		3		3
174	彭祺宇	裕進單車	TWN	3			3
175	曾文章		TWN		3		3
176	曾欽達		TWN		3		3
177	曾耀輝		TWN		3		3
178	游子奕	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3			3
179	游凱麟		TWN		3		3
180	甯翊軒	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3			3
181	程紹華	東林扶輪社	TWN		3		3
182	黃上榮		TWN		3		3
183	黃文炳		TWN		3		3
184	黃向華		TWN		3		3
185	黃俊翔	GBike森車隊	TWN		3		3
186	黃信璋	Lohas cycling team	TWN		3		3
187	黃宥承	日南國中車隊	TWN	3			3
188	黃宥然	桃園市羅浮高中-國中	TWN	3			3
189	黃泰璋		TWN		3		3
190	黃偉靈		TWN		3		3
191	黃崇詳	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3			3
192	黃意婷	腳踏車帕魯	TWN		3		3
193	黃楷翔	HSB	TWN		3		3
194	黃麒升	成峯破浪直奔高點KOM	TWN		3		3
195	楊志凱	楊志凱	TWN		3		3

2024 臺灣自行車聯賽-個人總排名_積分排名

更新：2024.05.09

GC 總排名	Name 姓名	Team 車隊名	Nat. 國籍	Events Point各場次總排名積分			Total Point 總積分
				第一站	第二站	第三站	
				陽明山王	春季KOM	太平山王	
196	楊拓	新竹市ZIV伊諾華車隊-國	TWN	3			3
197	楊皓	新竹市ZIV伊諾華車隊-國	TWN	3			3
198	楊鯉璟	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3			3
199	萬嘉慶		TWN		3		3
200	廖羽柔	東京熱不熱	TWN		3		3
201	劉宇騏	腳踏車帕魯	TWN		3		3
202	劉恩秀	日南國中車隊	TWN	3			3
203	練盈良	哥倫布單車	TWN		3		3
204	蔡政廷	Team Dream LAB	TWN	3			3
205	蔡政儒	Fun Ride Cycling Team	TWN		3		3
206	蔡庭嘉	寶寶寶	TWN		3		3
207	蔡智祥		TWN		3		3
208	蔡皓丞	楊志凱	TWN		3		3
209	蔡銘禧		TWN		3		3
210	鄧永茂	Lohas cycling team	TWN		3		3
211	鄧凱文	鄧凱文	TWN		3		3
212	鄭光廷	寶寶寶	TWN		3		3
213	鄭淑貞	玩家單車	TWN		3		3
214	鄭駿睿	日南國中車隊	TWN	3			3
215	蕭聖諺	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3			3
216	賴昆佑		TWN		3		3
217	賴宥丞	臺中市外埔國中	TWN	3			3
218	賴振彬		TWN		3		3
219	謝含光		TWN		3		3
220	謝承諺	桃園市聯隊-國中	TWN	3			3
221	鍾弘毅		TWN		3		3
222	鍾旻皓	新竹市ZIV伊諾華車隊	TWN	3			3
223	鍾瀚霆	桃園市聯隊-國中	TWN	3			3
224	簡欣儀	跟著教練騎	TWN		3		3
225	藍德漢		HKG		3		3
226	顏模菘		TWN		3		3
227	羅啟斌	Fun Ride Cycling Team	TWN		3		3
228	蘇旻煌	鄧凱文	TWN		3		3
229	蘇鎮緯	EPIC Racing Team	TWN	3			3
230	鍾時翔	太平山登山亡	TWN			3	3
231	莊昀儒	EPIC Racing Team	TWN			3	3